

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Công khai kết luận, kết quả xử lý các vụ việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử, trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND
Ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này quy định về hình thức, tài liệu, nội dung, thẩm quyền, trình tự công khai, báo cáo và kiểm tra việc công khai kết luận, kết quả xử lý các vụ việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng chống tham nhũng trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử, trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh Kon Tum.
- Quy chế này không áp dụng đối với việc công khai về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.
- Những nội dung không quy định trong Quy chế này, các cơ quan, đơn vị căn cứ vào quy định của các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh.
- Thủ trưởng các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra của tỉnh.
- Người đại diện theo pháp luật của các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh.
- Các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh.

Điều 3. Mục đích công khai

Việc công khai kết luận, kết quả xử lý các vụ việc trong công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; trên Trang thông tin điện tử và trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh nhằm:

- Hạn chế tình trạng nhũng nhiễu, tham nhũng vặt, tiêu cực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết

khieu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng thông qua việc giám sát của nhân dân và xã hội.

2. Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng.

3. Cải thiện và nâng cao chỉ số tuân thủ pháp luật, chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc công khai

1. Việc công khai phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, đúng quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Không công khai những nội dung mà pháp luật quy định không được công khai.

3. Nội dung công khai phải bảo đảm truyền tải đầy đủ các thông tin cơ bản của kết luận, kết quả xử lý; các tài liệu liên quan đến việc công khai phải được lập thành hồ sơ và lưu trữ đúng quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh; các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra của tỉnh (*sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh*) và các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ trong việc công khai và chịu trách nhiệm về thông tin công khai.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG, THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ CÔNG KHAI

Điều 5. Các hình thức công khai

1. Công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (*đối với các tài liệu công khai thuộc thẩm quyền công khai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh*).

2. Công khai trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

3. Công khai trên Báo Kon Tum điện tử.

4. Công khai trên Báo Kon Tum và phát sóng, phát thanh trên kênh truyền hình tỉnh.

5. Công khai trên hệ thống truyền thanh, truyền hình các huyện, thành phố (*đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thanh tra huyện, thành phố*).

Điều 6. Các tài liệu công khai

1. Đối với công tác thanh tra, kiểm tra

a) Kết luận thanh tra;

b) Kết quả kiểm tra của các cơ quan, đơn vị;

c) Kết quả kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra;

d) Kết quả xử lý vi phạm qua thanh tra, kiểm tra.

2. Đối với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

a) Quyết định giải quyết khiếu nại;

b) Kết luận nội dung tố cáo;

c) Quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

d) Kết quả xử lý các vụ việc về khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

3. Đối với công tác phòng, chống tham nhũng

a) Kết luận xác minh tài sản, thu nhập;

b) Quyết định kỷ luật đối với người có hành vi vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập;

c) Kết quả xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Điều 7. Nội dung công khai

1. Đối với kết luận thanh tra: công khai toàn văn kết luận thanh tra trên Trang thông tin điện tử.

2. Đối với các tài liệu phải công khai tại Điều 6 Quy chế này, không bao gồm kết luận thanh tra: Có thể công khai toàn văn hoặc bằng Thông báo tóm tắt các nội dung cơ bản của tài liệu công khai.

Điều 8. Thẩm quyền công khai

Việc công khai các tài liệu theo quy định tại Điều 6 Quy chế này thuộc thẩm quyền của người ký ban hành hoặc người được ủy quyền ký ban hành các tài liệu.

Điều 9. Trình tự thực hiện công khai

1. Lựa chọn hình thức công khai

a) Đối với việc công khai kết luận thanh tra: Trường hợp cơ quan thực hiện chức năng thanh tra có Trang thông tin điện tử thì trong kết luận thanh tra phải thể hiện hình thức công khai là trên Trang thông tin điện tử của đơn vị; Trường hợp cơ quan thực hiện chức năng thanh tra không có Trang thông tin, điện tử thì người có thẩm quyền công khai có văn bản đề nghị được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

b) Đối với việc công khai các tài liệu khác không bao gồm kết luận thanh tra: Người có thẩm quyền công khai có trách nhiệm lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai quy định tại Điều 5 của Quy chế này để công khai. Trường hợp lựa chọn công khai trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin

điện tử thì thực hiện tương tự như điểm a khoản 1 điều này. Trường hợp lựa chọn hình thức công khai khác (*không công khai trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử*) thì việc lựa chọn phải thực hiện bằng văn bản tại thời điểm ban hành tài liệu hoặc được thể hiện trong tài liệu công khai.

2. Xây dựng thông báo tóm tắt nội dung tài liệu để công khai

a) Đối với tài liệu thuộc thẩm quyền công khai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tham mưu ban hành các tài liệu công khai có trách nhiệm xây dựng thông báo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày chọn hình thức công khai.

b) Đối với tài liệu thuộc thẩm quyền công khai của các cơ quan, đơn vị: Người có thẩm quyền chọn hình thức công khai có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng và phê duyệt thông báo công khai trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày chọn hình thức công khai.

3. Gửi tài liệu hoặc thông báo tóm tắt nội dung tài liệu để công khai: Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành tài liệu (*đối với việc công khai toàn văn*) hoặc thông báo tóm tắt nội dung tài liệu (*đối với việc công khai bằng thông báo*), người có thẩm quyền công khai phải gửi tài liệu hoặc thông báo tóm tắt tài liệu đến Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc gửi đến các cơ quan thông tin đại chúng để công khai theo hình thức đã lựa chọn.

4. Thực hiện công khai

Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu đề nghị công khai; cơ quan, đơn vị được lựa chọn công khai có trách nhiệm kiểm tra lại tình trạng của tài liệu và thực hiện công khai theo quy định sau:

a) Thời gian công khai trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử, trên báo điện tử của tỉnh ít nhất là 15 ngày liên tục.

b) Thời gian công khai trên Báo Kon Tum ít nhất 02 số phát hành liên tục, phát sóng, phát thanh trên kênh truyền hình tỉnh và hệ thống truyền thanh, truyền hình các huyện, thành phố ít nhất 02 lần phát sóng, phát thanh liên tục.

Điều 10. Kiểm tra, báo cáo kết quả công khai

1. Kiểm tra việc công khai

a) Các cơ quan, đơn vị đề nghị và thực hiện công khai có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra nội dung, thời gian công khai để xử lý kịp thời sai sót đúng theo quy định.

b) Thanh tra tỉnh có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh theo quy định tại Quy chế này.

2. Báo cáo kết quả công khai

a) Chậm nhất là ngày 10 tháng 12 hằng năm, các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện công khai của cơ quan, đơn vị mình gửi Thanh tra tỉnh để tổng hợp.

b) Chậm nhất là ngày 20 tháng 12 hằng năm, Thanh tra tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện công khai của các cơ quan, đơn vị.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thanh tra tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai và theo dõi thực hiện Quy chế này; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung trong trường hợp cần thiết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, các cơ quan thông tin truyền thông của tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện đúng theo quy định.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm quy định và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý (*nếu có*) thực hiện việc công khai kết luận, kết quả xử lý các vụ việc trong công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng bảo đảm theo quy định và phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Trong quá trình tổ chức thực hiện có khó khăn, vướng mắc, bất cập, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Thanh tra tỉnh*) để xem xét, chỉ đạo.